

BÁO CÁO

Công tác phòng, chống tham nhũng 6 tháng đầu năm 2015

Thực hiện Công văn số 181-CV/VP ngày 04/6/2015 của Văn phòng Huyện ủy Tuy Phước về việc báo cáo công tác nội chính và phòng, chống tham nhũng 6 tháng đầu năm 2015; Văn bản số 261/TTr-P4 ngày 19/5/2015 của Thanh tra tỉnh Bình Định về việc báo cáo công tác phòng chống tham nhũng 6 tháng năm 2015, UBND huyện Tuy Phước đã có chủ trương chỉ đạo các cơ quan, phòng ban thực hiện, đạt được một số kết quả như sau:

I. KẾT QUẢ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng; công tác lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của ngành, địa phương

a) Các hình thức đã thực hiện quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách pháp luật về phòng, chống tham nhũng

- Năm 2015, tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1615/QĐ-UBND ngày 27/6/2014 của UBND huyện ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng, Công ước của Liên hợp quốc về chống tham nhũng; Luật Khiếu nại và Luật Tố cáo trên địa bàn huyện.

- Tiếp tục chỉ đạo Đài Truyền thanh huyện và các xã, thị trấn tuyên truyền trên sóng phát thanh kết hợp trong chuyên mục pháp luật về chủ trương, chính sách pháp luật phòng, chống tham nhũng ở huyện 04 lần/tháng và ở cấp xã 04 buổi/tháng, không tính Đài Truyền thanh cấp xã tiếp sóng Đài Truyền thanh huyện theo chỉ đạo của Huyện ủy tại Văn bản số 362-CV/HU ngày 15/4/2014 về việc tăng cường phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật.

Qua đó, 6 tháng đầu năm đã tổ chức 08 lớp truyền truyền, quán triệt pháp luật về phòng chống tham nhũng với 498 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia.

b) Việc ban hành văn bản, hướng dẫn, triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, các văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng chống tham nhũng.

Trong 6 tháng đầu năm 2015, UBND huyện đã ban hành 05 văn bản sửa đổi, bổ sung thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn thi hành: Văn bản số 02/UBND-TC ngày 05/01/2015 về việc khẩn trương đẩy nhanh công tác quyết toán dự án hoàn thành; Văn bản số 1057/UBND-NV

về việc tổ chức thực hiện quy định về minh bạch tài sản, thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2014; Văn bản số 213/UBND-VX ngày 27/3/2015 về việc tổng rà soát việc thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng trong 02 năm (2014-2015) trên địa bàn huyện; Quyết định số 1384/QĐ-UBND ngày 24/4/2015 về việc ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình giảm nghèo, giải quyết việc làm và đào tạo nghề trên địa bàn huyện năm 2015 và Văn bản số 361/UBND-VX ngày 18/5/2015 về việc rà soát bổ sung hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2015.

c) Tình hình tổ chức bộ máy, phân công nhiệm vụ tổ chức thực hiện trong công tác phòng, chống tham nhũng

UBND huyện đã chỉ đạo Thanh tra huyện có kế hoạch thực hiện tốt chương trình công tác phòng, chống tham nhũng năm 2015 đã được phê duyệt tại Quyết định số 3428/QĐ-UBND, ngày 08/12/2014 tại UBND xã Phước Thuận và UBND xã Phước Hiệp theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2012/TT-TTCTP ngày 13/7/2012 của Thanh tra Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thẩm quyền, nội dung thanh tra trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

2. Kết quả thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng

a) Công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc huyện

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã triển khai thực hiện Văn bản số 03/UBND-NV, ngày 05/01/2015 của UBND huyện về việc hướng dẫn tổ chức Hội nghị cán bộ, công chức cơ quan và Hội nghị người lao động trong Công ty cổ phần, công ty TNHH năm 2014 theo đúng quy định tại Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 08/9/1998 của Chính phủ; Quyết định số 263/QĐ-CTUBND ngày 14/02/2008 của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Định.

- UBND huyện tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thuộc huyện triển khai thực hiện việc quản lý và sử dụng kinh phí theo Thông tư liên tịch số 03/2006/TTLT-BTC-BNV ngày 17/01/2006 của liên bộ Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 của Chính phủ quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế, tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị triển khai thực hiện nghiêm túc Quyết định số 1464/QĐ-CTUBND ngày 19/7/2012 về việc Quy định công khai quy trình, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND&UBND huyện.

b) Việc xây dựng, ban hành và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; việc cán bộ, công chức, viên chức nộp lại quà tặng

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả Nghị định số 130/2008/NĐ-CP về biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan hành chính nhà nước; Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị sự nghiệp; triển khai thực hiện tốt Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 02/01/2015 về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2015 và văn bản chỉ đạo, điều hành thu, chi ngân sách gắn với việc thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng.

- Thực hiện Quyết định số 64/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, UBND huyện đã quán triệt, chỉ đạo và tổ chức thực hiện theo đúng tinh thần Quyết định. Qua phân công theo dõi, giám sát việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn các hành vi tặng quà, nhận quà không đúng quy định. Trong 6 tháng đầu năm 2015 chưa phát hiện cơ quan, tổ chức, đơn vị và cán bộ, công chức, viên chức có dấu hiệu vi phạm.

- UBND huyện đã ban hành Văn bản số 409/UBND-TC ngày 27/5/2015 về việc thực hiện tạm giữ lại 10% dự toán chi thường xuyên 8 tháng cuối năm 2015 theo đúng tinh thần Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 21/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ; Văn bản số 5652/BTC-NSNN ngày 27/4/2015 của Bộ Tài chính về việc tăng cường chỉ đạo điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính ngân sách nhà nước năm 2015.

c) Việc xây dựng, thực hiện các quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp của cán bộ, công chức, viên chức

Tiếp tục chỉ đạo các ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị phổ biến, quán triệt, tổ chức thực hiện theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ về việc ban hành Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương tại Văn bản số 106/UBND-HC ngày 29/02/2008; Quyết định số 1559/QĐ-CTUBND, ngày 30/7/2012 của UBND huyện về ban hành Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan chuyên môn trực thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn.

d) Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức nhằm phòng ngừa tham nhũng

UBND huyện tiếp tục triển khai thực hiện theo tinh thần Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ quy định danh mục các vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức; Nghị định số 150/2013/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 158/2007/NĐ-CP.

Trong 06 tháng năm 2015, đã thực hiện quy trình bổ nhiệm, luân chuyển, điều động 07 đồng chí giữ chức vụ lãnh đạo UBND huyện, phòng, ban chuyên môn thuộc huyện.

đ) Việc thực hiện quy định về minh bạch tài sản, thu nhập

Nhằm thực hiện tốt Chỉ thị số 33-CT/TW ngày 03/01/2014 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 42-CT/TU ngày 24/02/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với việc kê khai và kiểm soát việc kê khai tài

sản”; ngày 18/3/2015 Huyện ủy Tuy Phước đã ban hành Công văn số 516-CV/HU yêu cầu các cơ quan, đơn vị tiến hành triển khai thực hiện việc kê khai tài sản thu nhập năm 2014; đồng thời, UBND huyện đã ban hành Văn bản số 1057/UBND-NV ngày 15/12/2014 về việc tổ chức thực hiện quy định về minh bạch tài sản, thu nhập đối với cán bộ, công chức, viên chức năm 2014, kết quả như sau:

- Số đơn vị, cơ quan phải triển khai thực hiện kê khai tài sản, thu nhập: 33 đơn vị, đã thực hiện: 33 đơn vị, tỷ lệ đạt 100%.

- Số người kê khai tài sản trong năm: 467 người; trong đó: đã kê khai 466 người, (tỷ lệ 99,78 %); chưa kê khai tài sản, thu nhập năm: 1 người, do đang bị bệnh nặng.

Chưa có trường hợp nào phải tiến hành kiểm tra, xác minh về việc kê khai tài sản, thu nhập theo quy định

e) Việc xem xét, xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị do mình phụ trách.

Trong 6 tháng đầu năm 2015 chưa phát hiện cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra hành vi tham nhũng.

f) Việc thực hiện cải cách hành chính, việc tăng cường áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; việc đổi mới phương thức thanh toán, trả lương qua tài khoản.

- UBND huyện chỉ đạo các phòng chuyên môn thuộc huyện triển khai thực hiện có hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2015 trên địa bàn huyện tại Quyết định số 128/QĐ-UBND ngày 20/01/2015.

- Các cơ quan, ban, ngành cấp huyện tiếp tục thực hiện trả tiền lương qua tài khoản cho cán bộ, công chức theo Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng

Kết quả phát hiện, xử lý sai phạm qua công tác kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, cụ thể như sau:

a) Qua công tác kiểm tra

- Công tác tài chính, ngân sách: UBND huyện đã chỉ đạo phòng Tài chính – Kế hoạch huyện tiến hành xét duyệt, thẩm định quyết toán ngân sách năm 2014 đối với các đơn vị dự toán thuộc huyện và các xã, thị trấn theo đúng quy định tại Thông tư số 59/2003/TT-BTC ngày 23/6/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định 60/2003 ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư 108/2008/TT-BTC ngày 18/11/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý ngân sách cuối năm, lập và báo cáo quyết toán ngân sách hằng năm.

b) Qua hoạt động thanh tra

Tiếp tục thực hiện công tác thanh tra tại UBND thị trấn Diêu Trì về việc quản lý và đầu tư xây dựng cơ bản; Thanh tra kế hoạch và thực hiện kế hoạch sử dụng đất trên các lĩnh vực: Đất quy hoạch được phê duyệt về xét giao và đấu giá đất ở; đất cho các đơn vị, cá nhân thuê (*trừ đất thuê để sản xuất cây hàng năm*).

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng

Theo Kế hoạch đã được phê duyệt, vào quý IV/2015 tiến hành 02 cuộc thanh tra thực hiện các quy định của pháp luật về tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng tại UBND xã Phước Thuận và UBND xã Phước Hiệp.

5. Phát huy vai trò của xã hội trong phòng, chống tham nhũng

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trên địa bàn huyện tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân về nội dung Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Tiếp tục phổ biến quán triệt cho cán bộ, nhân dân Nghị định số 47/2007/NĐ-CP ngày 27/3/2007 của Chính phủ, đặc biệt chú trọng về vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng, nhất là vai trò, trách nhiệm của Mặt trận tổ quốc, các tổ chức thành viên của Mặt trận và các Ban Thanh tra nhân dân ở cơ sở.

6. Kết quả thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 và Kế hoạch thực thi Công ước Liên hợp quốc về phòng, chống tham nhũng

- Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, kiểm tra, giám sát của các Cấp ủy đảng; nâng cao trách nhiệm, năng lực, hiệu quả hoạt động, quan hệ phối hợp của các cơ quan nhà nước; cơ quan, đơn vị có liên quan trong công tác phòng, chống tham nhũng; đồng thời phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp và các tổ chức thành viên của Mặt trận; doanh nghiệp, hiệp hội ngành nghề, các Ban thanh tra nhân dân và của công dân trong việc giám sát công tác phòng, chống tham nhũng trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị.

- Đã tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhóm giải pháp đã đề ra trong Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng đến năm 2020 của Chính phủ bảo đảm phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương. Trong đó tập trung vào các giải pháp nâng cao năng lực phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng, đẩy mạnh xử lý những vụ việc tham nhũng nổi cộm, gây bức xúc trong nhân dân; rà soát, đơn giản hoá các thủ tục hành chính, tăng cường tính công khai minh bạch trong những lĩnh vực dễ phát sinh tham nhũng.

- Tiếp tục thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra trong Chương trình, kế hoạch hành động của Huyện uỷ, UBND huyện thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng,

lãng phí; Kế hoạch số 62-KH/HU ngày 12/02/2014 của Huyện ủy về thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25/5/2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Gắn công tác phòng, chống tham nhũng với thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tiếp tục xây dựng hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG, CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG VÀ DỰ BÁO TÌNH HÌNH

1. Đánh giá tình hình tham nhũng

- Các cấp, các ngành của huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chương trình, kế hoạch hành động thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng gắn với thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; đề ra các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp tình hình thực tiễn nên đã triển khai thực hiện kịp thời, nghiêm túc đã góp phần giữ vững ổn định chính trị, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tiếp tục củng cố lòng tin của nhân dân đối với Đảng bộ và chính quyền các cấp ở địa phương.

- Nhận định hành vi tham nhũng ngày càng tinh vi, khó phát hiện. Muốn làm tốt công tác phòng chống tham nhũng cần sự tham gia của cả hệ thống chính trị và nhân dân, mỗi một cá nhân, tổ chức căn cứ chức năng, nhiệm vụ của mình phát huy vai trò trong công tác PCTN.

2. Đánh giá công tác phòng chống, tham nhũng

- Với việc công khai, minh bạch hoạt động tài chính, ngân sách nhà nước; bồi thường giải phóng mặt bằng, trong mua sắm công, quản lý dự án đầu tư xây dựng; công khai, minh bạch việc huy động và sử dụng các khoản đóng góp của nhân dân; công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng đất; hoạt động giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân; trong công tác tổ chức, cán bộ; việc xây dựng, thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn; việc thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp; việc thực hiện minh bạch tài sản, thu nhập của các cơ quan, tổ chức, đơn vị góp phần rất lớn trong công tác phòng ngừa tham nhũng xảy ra.

- Các cơ quan, tổ chức, đơn vị đã quan tâm đến việc triển khai các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Cán bộ, công chức, viên chức có chuyên biến tích cực hơn trong công tác phòng, chống tham nhũng.

- Chỉ đạo các phòng, ban thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn trong việc thực hiện các kiến nghị, kết luận, quyết định xử lý của cấp có thẩm quyền, tổ chức chấn chỉnh, khắc phục kịp thời những thiếu sót.

3. Dự báo tình hình tham nhũng

Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian đến dễ xảy ra trên các lĩnh vực bồi thường giải phóng mặt bằng, đất đai, tài nguyên, khoáng sản, xây dựng, mua sắm tài sản công, tài chính... Các cấp, các ngành tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo đối với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG TRONG QUÝ III, NĂM 2015

Để xác định phương hướng, nhiệm vụ làm tốt công tác PCTN trên địa bàn huyện, Trong quý III năm 2015, UBND huyện tập trung chỉ đạo, thực hiện những vấn đề sau:

- Chỉ đạo Phòng Tư pháp, Hội đồng PHPBGDPL huyện tổ chức đơn đốc, hướng dẫn việc thực hiện công tác tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật theo Quyết định số 129/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn huyện năm 2015.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 62-KH/HU ngày 12/02/2014 của Huyện ủy về thực hiện Kết luận số 21-KL/TW ngày 25 tháng 5 năm 2012 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng chống tham nhũng, lãng phí.

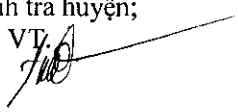
- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Quyết định số 1464/QĐ-CTUBND ngày 19/7/2012 của Chủ tịch UBND huyện về việc Quy định công khai quy trình, thủ tục giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng HĐND&UBND huyện.

- Chỉ đạo cơ quan Thanh tra phối hợp Phòng Tư pháp huyện tiếp tục tham mưu kịp thời cho Huyện ủy, UBND huyện tổ chức quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN, kế hoạch phổ biến Luật Phòng, chống tham nhũng, các văn bản liên quan cho cán bộ, công chức và nhân dân trên địa bàn trong 6 tháng còn lại năm 2015.

Trên đây là tình hình thực hiện và kết quả công tác phòng, chống tham nhũng 6 tháng đầu năm 2015 của UBND huyện Tuy Phước, kính báo cáo UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh, Thường trực Huyện ủy theo dõi, chỉ đạo. /s. Nguyễn Đình Thuận

Nơi nhận:

- Thanh tra tỉnh;
- TT Huyện ủy; TT HĐND huyện;
- Q. CT, PCT UBND huyện (đ/c: Thuận);
- Thanh tra huyện;
- Lưu: VT.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đình Thuận

KẾT QUẢ CHỦ YẾU VỀ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG 6 THÁNG, NĂM 2015
(Số liệu tính từ ngày 16/12/2014 đến 05/6/2015)

| MS | NỘI DUNG | Đơn vị tính | Số liệu |
|----|--|-------------|---------|
| | CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT | | |
| 1 | Số văn bản ban hành mới để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN | Văn bản | - |
| 2 | Số văn bản sửa đổi, bổ sung để thực hiện Luật PCTN và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật PCTN | Văn bản | 5 |
| | TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN, GIÁO DỤC PHÁP LUẬT VỀ PCTN | | |
| 3 | Số lượt CB,CC,VC, nhân dân tham gia các lớp tập huấn, quán triệt pháp luật về PCTN | Người | 498 |
| 4 | Số lớp tuyên truyền, quán triệt pháp luật về PCTN được tổ chức | lớp | 8 |
| 5 | Số lượng đầu sách, tài liệu về pháp luật PCTN được xuất bản | Tài liệu | 0 |
| | THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG | | |
| | Công khai minh bạch hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị (gọi chung là đơn vị) | | - |
| 6 | Số đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện các quy định về công khai, minh bạch | đơn vị | |
| a | Xã, phường, thị trấn | đơn vị | |
| b | Các phòng ban chuyên môn | đơn vị | |
| c | Đơn vị sự nghiệp | đơn vị | |
| d | Các chi cục, đơn vị trực thuộc khác | đơn vị | |
| 7 | Số đơn vị bị phát hiện có vi phạm quy định về công khai, minh bạch | đơn vị | |
| a | Xã, phường, thị trấn | đơn vị | |
| b | Các phòng ban chuyên môn | đơn vị | |
| c | Đơn vị sự nghiệp | đơn vị | |
| d | Các chi cục, đơn vị trực thuộc khác | đơn vị | |
| | Xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn | | - |
| 8 | Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được ban hành mới theo thẩm quyền | Văn bản | |
| 9 | Số văn bản về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã sửa đổi, bổ sung cho phù hợp | Văn bản | |
| 10 | Số cuộc kiểm tra việc thực hiện các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn | Cuộc | |
| 11 | Số vụ vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được phát hiện và xử lý | Vụ | |
| 12 | Số người bị phát hiện đã vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn | Người | |
| 13 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý kỷ luật | Người | |
| 14 | Số người vi phạm các quy định về chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã bị xử lý hình sự | Người | |
| 15 | Tổng giá trị về vi phạm các chế độ, định mức, tiêu chuẩn được kiến nghị thu hồi và bồi thường | Tr.đồng | |
| 16 | Tổng giá trị vi phạm các chế độ, định mức, tiêu chuẩn đã được thu hồi và bồi thường | Tr.đồng | |
| 17 | Số người đã nộp lại quà tặng cho đơn vị | Người | |
| 18 | Giá trị quà tặng đã được nộp lại | Tr.đồng | |
| | Thực hiện quy tắc ứng xử, chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức | | - |
| 19 | Số đơn vị đã được kiểm tra việc thực hiện quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức | Đơn vị | |
| 20 | Số cán bộ, công chức, viên chức vi phạm quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp được bị xử lý | Người | |
| 21 | Số cán bộ, công chức, viên chức đã chuyển đổi vị trí công tác nhằm phòng ngừa tham nhũng | Người | |
| | Thực hiện các quy định về minh bạch tài sản, thu nhập | | - |
| 22 | Số người được xác minh việc kê khai tài sản, thu nhập | | |
| 23 | Số người bị kết luận kê khai không trung thực | | |
| | Trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra tham nhũng | | - |
| 24 | Số người đứng đầu (và cấp phó) bị kết luận là thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | |
| 25 | Số người đứng đầu (và cấp phó) đã bị xử lý hình sự do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | |

| MS | NỘI DUNG | Đơn vị tính | Số liệu |
|----|--|-------------|---------|
| 26 | Số người đứng đầu (và cấp phó) đã bị xử lý kỷ luật do thiếu trách nhiệm để xảy ra hành vi tham nhũng | Người | |
| | Hình thức đã bị xử lý : + Khiển trách | Người | |
| | + Cảnh cáo | Người | |
| | + Cách chức | Người | |
| | Theo cấp quản lý: + Ở cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, sở và tương đương | Người | |
| | + Ở cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp xã, phòng ban và tương đương | Người | |
| | + Ở cơ quan, tổ chức, đơn vị khác | Người | |
| | Cải cách hành chính, đổi mới công nghệ quản lý và phương thức thanh toán | | |
| 27 | Số đơn vị đã áp dụng ISO trong quản lý hành chính | Đơn vị | 13 |
| 28 | Tỷ lệ số đơn vị đã chi trả lương qua tài khoản trên tổng số đơn vị trực thuộc | % | 100 |
| | PHÁT HIỆN CÁC VỤ VIỆC THAM NHŨNG | | |
| | Qua việc tự kiểm tra nội bộ | | - |
| 29 | Số vụ tham nhũng đã được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ | Vụ | |
| 30 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng được phát hiện qua việc tự kiểm tra nội bộ | Người | |
| | Qua hoạt động thanh tra | | - |
| 31 | Số vụ tham nhũng được phát hiện qua công tác thanh tra | Vụ | |
| 32 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua công tác thanh tra | Người | |
| | Qua công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo | | - |
| 33 | Số đơn tố cáo về tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, đơn vị | Đơn | |
| | Trong đó: + Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp huyện, sở | Đơn | |
| | + Thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã, phường, thị trấn và tương đương | Đơn | |
| 34 | Số đơn tố cáo về tham nhũng đã được giải quyết | Đơn | |
| | Trong đó: + Cấp huyện, sở đã giải quyết | Đơn | |
| | + Cấp xã, phường, thị trấn và tương đương đã giải quyết | Đơn | |
| 35 | Số vụ tham nhũng được phát hiện thông qua giải quyết tố cáo | Vụ | |
| 36 | Số đối tượng có hành vi tham nhũng bị phát hiện qua giải quyết khiếu nại, tố cáo | Người | |
| | Qua điều tra tội phạm | | - |
| 37 | Số vụ án tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã được cơ quan chức năng công an phát hiện, khởi tố | Vụ | |
| 38 | Số đối tượng tham nhũng (thuộc phạm vi quản lý) đã bị cơ quan chức năng khởi tố | Người | |
| | XỬ LÝ CÁC HÀNH VI THAM NHŨNG | | - |
| 39 | Số vụ án tham nhũng đã được đưa ra xét xử trong kỳ | Vụ | |
| 40 | Số đối tượng tham nhũng bị kết án tham nhũng | Người | |
| 41 | Trong đó: + Số đối tượng phạm tội tham nhũng ít nghiêm trọng; | Người | |
| 42 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng nghiêm trọng; | Người | |
| 43 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng rất nghiêm trọng; | Người | |
| 44 | + Số đối tượng phạm tội tham nhũng đặc biệt nghiêm trọng; | Người | |
| 45 | Số vụ việc tham nhũng đã được xử lý hành chính | vụ | |
| 46 | Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng | Người | |
| | Trong đó: + Khiển trách; | Người | |
| | + Cảnh cáo; | Người | |
| | + Hạ bậc lương; | Người | |
| | + Cách chức; | Người | |
| | + Buộc thôi việc; | Người | |
| 47 | Số vụ việc tham nhũng đã phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Vụ | |
| 48 | Số đối tượng tham nhũng đã phát hiện, đang được xem xét để xử lý (chưa có kết quả xử lý) | Người | |
| | Giá trị tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã phát hiện được. | | - |
| 49 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + Ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Tr.đồng | |
| 50 | Đất đai | m2 | |
| | Giá trị tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng đã được thu hồi, bồi thường | | - |
| 51 | Bằng tiền (tiền Việt Nam + Ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Tr.đồng | |
| 52 | Đất đai | m2 | |
| | Giá trị tài sản bị tham nhũng, gây thiệt hại do tham nhũng không thể thu hồi, khắc phục được | | - |

| MS | NỘI DUNG | Đơn vị tính | Số liệu |
|----|--|-------------|---------|
| 53 | Bảng tiền (tiền Việt Nam + Ngoại tệ, tài sản khác được quy đổi ra tiền Việt Nam) | Tr.đồng | |
| 54 | Đất đai | m2 | |
| | Bảo vệ, khen thưởng người tố cáo, phát hiện tham nhũng | | - |
| 55 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã bị trả thù | | |
| 56 | Số người tố cáo hành vi tham nhũng đã được khen thưởng, trong đó | | |
| | + Tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ | | |
| | + Tặng Bằng khen của Bộ, ngành, địa phương | | |
| | + Tặng Giấy khen | | |

Tuy Phước, ngàytháng 6 năm 2015

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)